



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
VIẾT BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CẤP CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA 4.0

*GUIDE TO AUN-QA ASSESSMENT
AT PROGRAMME LEVEL
VERSION 4.0*



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
PHÒNG TT-PC-ĐBCL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2023

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN VIẾT BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CẤP CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA 4.0**

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU	2
1. Mục đích	2
2. Căn cứ xây dựng tài liệu.....	2
3. Từ viết tắt	2
II. GIỚI THIỆU TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ AUN	3
1. Giới thiệu khái quát về Tổ chức AUN	3
2. Bộ tiêu chuẩn đánh giá AUN-QA 4.0	4
III. HƯỚNG DẪN VIẾT BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA 4.0.....	12
1. Tài liệu hướng dẫn.....	12
2. Yêu cầu của AUN.....	12
3. Quy trình viết BCTĐG (SAR)	14
4. Cấu trúc BCTĐG (SAR).....	17
5. Biểu mẫu thống kê.....	26



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN VIẾT BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CẤP CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA 4.0

I. GIỚI THIỆU

1. Mục đích:

Phục vụ hoạt động tự đánh giá, đăng ký KĐCL cấp CTĐT tại Trường ĐHCNTT, tuân thủ quy định của Luật GDĐH 2018, giúp cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng của cộng đồng ASEAN.

2. Căn cứ xây dựng tài liệu

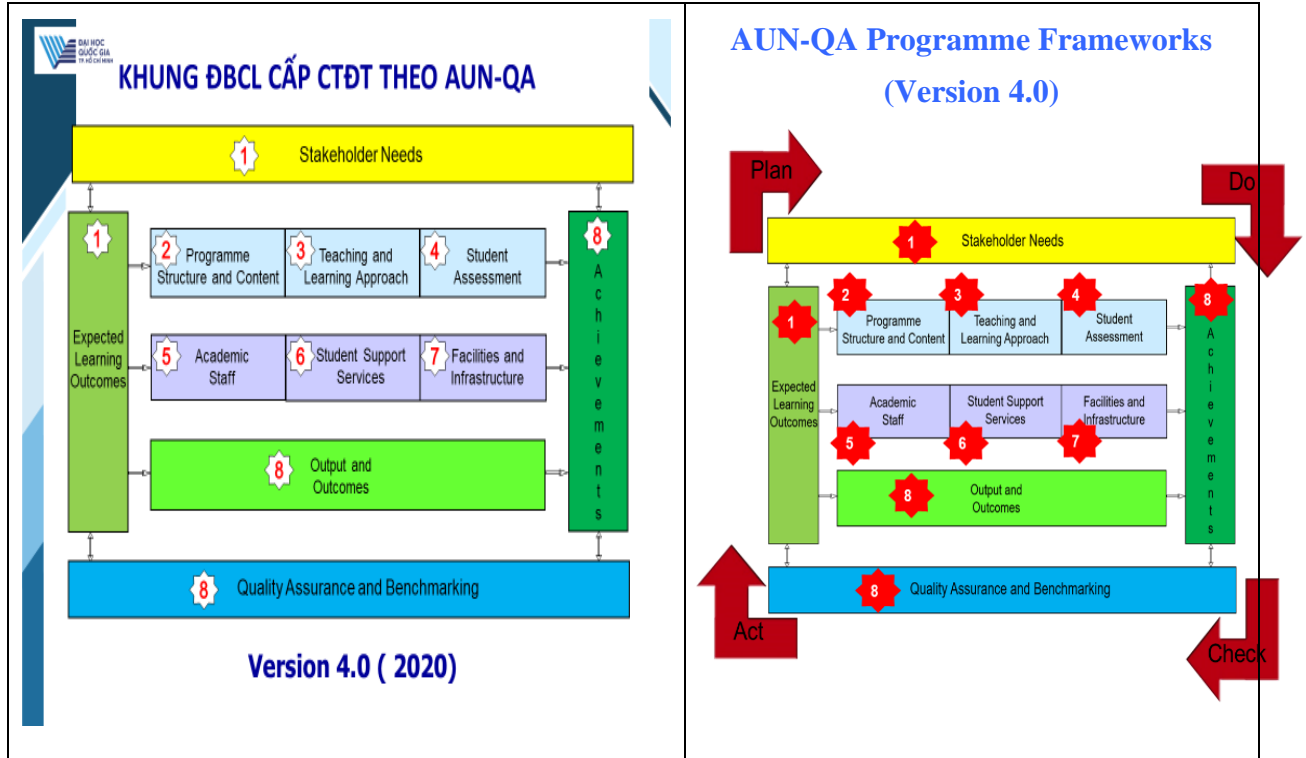
- Kế hoạch Chiến lược Trường ĐHCNTT giai đoạn 2021-2025;
- Kế hoạch hoạt động năm 2023 Trường ĐHCNTT;
- [Tài liệu hướng dẫn viết BCTĐG của Tổ chức AUN](#), phiên bản 4.0 xuất bản tháng 8/2020;
- Tài liệu hướng dẫn [Definition of Key Terms and Words in the AUN-QA Programme Framework](#) của Mr. Johnson Ong Chee Bin, Chuyên gia AUN.
- [Tài liệu hướng dẫn viết BCTĐG theo AUN -QA 4.0 phiên bản tiếng Việt](#) của ĐHQG-HCM, xuất bản năm 2021.

3. Từ viết tắt

TT	Từ viết tắt	Diễn giải
1	AUN	Tổ chức mạng lưới các Trường đại học Đông Nam Á
2	AUN-QA	Tiêu chuẩn chất lượng của Tổ chức mạng lưới các Trường đại học Đông Nam Á
3	BCTĐG	Báo cáo tự đánh giá
4	CTĐT	Chương trình đào tạo
5	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
6	ĐHCNTT	Đại học Công nghệ Thông tin
7	GDĐH	Giáo dục đại học
8	KĐCL	Kiểm định chất lượng
9	SAR	Self Assessment Report

II. GIỚI THIỆU TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ AUN

KHUNG ĐBCL CẤP CTĐT THEO AUN-QA



1. Giới thiệu khái quát về Tổ chức AUN

AUN (ASEAN University Network) là Mạng lưới các Trường đại học thuộc các nước khu vực Đông Nam Á; là tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, thành lập năm 1995, với mục đích thúc đẩy sự hợp tác và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu, trao đổi GV và SV giữa các trường đại học trong cộng đồng ASEAN.

Địa chỉ website:

- AUN: <http://www.aunsec.org/>
- AUN-QA: <http://www.aun-qa.org/>
- ACTS: <http://acts.ui.ac.id/>

Thành viên: Hiện nay AUN có 147 Thành viên (30 Thành viên chính thức và 117 Thành viên liên kết, Việt Nam có ba đơn vị là Thành viên chính thức (ĐH Cần Thơ, ĐHQG-HN, ĐHQG- HCM) và 38 Thành viên liên kết.

2. Bộ tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 4.0

Bộ tiêu chuẩn AUN-QA 4.0 gồm **8 tiêu chuẩn** và **53 tiêu chí**, được phân theo ba nhóm: CTĐT, nguồn lực và đầu ra.



Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
1	5	Kết quả học tập mong đợi	Expected Learning Outcomes	Programme
2	7	Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Programme Structure and Content	
3	6	Phương thức dạy và học	Teaching and Learning Approach	
4	7	Đánh giá kết quả học tập của người học	Student Assessment	
5	8	Đội ngũ giảng viên	Academic Staff	Resources
6	6	Các dịch vụ hỗ trợ người học	Student Support services	
7	9	Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Facilities and infrastructure	
8	5	Đầu ra và kết quả đạt được	Output and Outcomes	Output
Total	53			



Thang đánh giá chất lượng của AUN-QA (Rating Scale) từ 1-7

Rating	Description	Thang điểm	Mô tả
1	Absolutely Inadequate The QA practice to fulfil the criterion is not implemented. <u>There are no plans, documents, evidences or results available.</u> Immediate improvement must be made.	1	Hoàn toàn không đầy đủ, cần cải tiến ngay Hoạt động ĐBCL được triển khai không đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn/tiêu chí. Không có kế hoạch, tài liệu, minh chứng hay kết quả có sẵn. Cần thực hiện ngay các hoạt động cải tiến.
2	Inadequate and Improvement is Necessary The QA practice to fulfil the criterion is still at its planning stage or is inadequate where improvement is necessary. <u>There is little document or evidence available.</u> Performance of the QA practice shows little or poor results.	2	Không đầy đủ và cần cải tiến Hoạt động ĐBCL ứng với yêu cầu của tiêu chuẩn/tiêu chí mới được triển khai ở bước lập kế hoạch hoặc chưa đầy đủ, cần phải cải tiến nhiều. Có rất ít tài liệu, minh chứng về hoạt động này. Thành quả của hoạt động ĐBCL còn hạn chế.
3	Inadequate but Minor Improvement Will Make It Adequate The QA practice to fulfil the criterion is defined and implemented but minor improvement is needed to fully meet them. <u>Documents are available but no clear evidence to support that they have been fully used.</u> Performance of the QA practice shows inconsistent or some results.	3	Không đầy đủ nhưng chỉ cần cải tiến nhỏ Hoạt động ĐBCL ứng với yêu cầu của tiêu chuẩn/ tiêu chí đã được hoạch định và triển khai, tuy nhiên cần có những cải tiến nhỏ để có thể đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiêu chuẩn/tiêu chí. Có các văn bản liên quan đến hoạt động nhưng chưa có minh chứng rõ ràng về việc áp dụng hiệu quả các văn bản đó. Thành quả của hoạt động ĐBCL chưa nhiều hoặc chưa nhất quán.
4	Adequate as Expected The QA practice to fulfil the criterion is adequate and <u>evidences support that it has been fully implemented.</u> Performance of the QA practice shows consistent results as expected.	4	Đầy đủ như mong đợi (đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn AUN-QA) Hoạt động ĐBCL ứng với yêu cầu của tiêu chuẩn/tiêu chí được triển khai đầy đủ và có đủ minh chứng về việc triển khai. Thành quả của hoạt động ĐBCL nhất quán và phù hợp với mong đợi.



Rating	Description	Thang điểm	Mô tả
5	<p>Better Than Adequate The QA practice to fulfil the criterion is better than adequate. Evidences support that it has been efficiently implemented. Performance of the QA practice shows good results and positive improvement trend.</p>	5	<p>Tốt hơn mong đợi (vượt yêu cầu của tiêu chuẩn AUN-QA) Hoạt động ĐBCL được triển khai tốt hơn so với yêu cầu của tiêu chuẩn/tiêu chí. Minh chứng cho thấy hoạt động được triển khai một cách hiệu quả. Hoạt động ĐBCL đạt kết quả tốt và có xu hướng tiếp tục đi lên.</p>
6	<p>Example of Best Practices The QA practice to fulfil the criterion is considered to be example of <u>best practices in the field</u>. Evidences support that it has been effectively implemented. Performance of QA practice shows very good results and positive improvement trend.</p>	6	<p>Hình mẫu về chất lượng Hoạt động ĐBCL ứng với yêu cầu của tiêu chuẩn/tiêu chí được coi là hình mẫu về chất lượng. Minh chứng cho thấy hoạt động này được triển khai hiệu quả. Hoạt động ĐBCL đạt kết quả rất tốt và có xu hướng tiếp tục đi lên.</p>
7	<p>Excellent (Example of World-class or Leading Practices) The QA practice to fulfil the criterion is considered to be excellent or example of world-class practices in the field. Evidences support that it has been <u>innovatively implemented</u>. <u>Performance of the QA practice shows excellent</u>.</p>	7	<p>Xuất sắc (hàng đầu thế giới, đẳng cấp quốc tế) Hoạt động ĐBCL ứng với yêu cầu của tiêu chuẩn/tiêu chí được coi là hình mẫu về chất lượng. Minh chứng cho thấy hoạt động này được triển khai hiệu quả. Hoạt động ĐBCL đạt kết quả rất tốt và có xu hướng tiếp tục đi lên.</p>

Sự khác biệt giữa tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 4.0 và 3.0

Phiên bản 4.0 có tính logic hơn và yêu cầu cao hơn

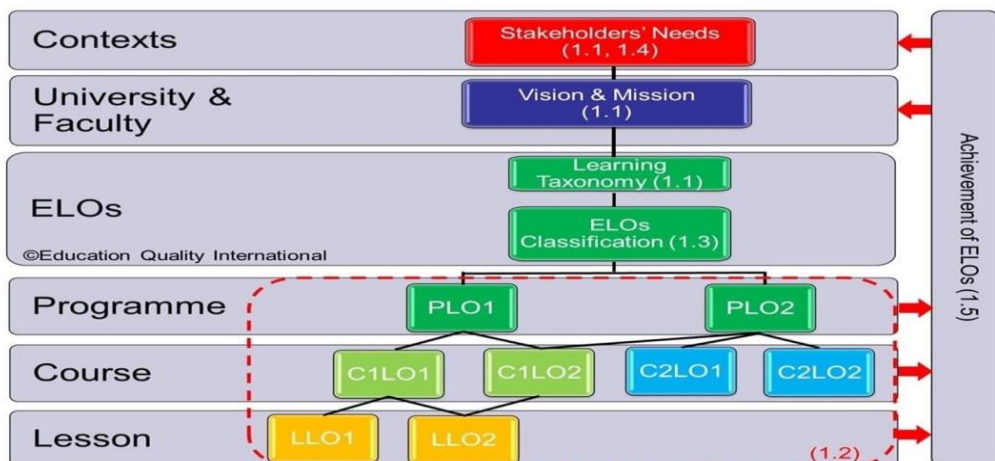
VERSION 3.0	VERSION 4.0
1. Expected learning outcomes	1.0. Expected learning outcomes
2. Programme Specification	2.0. Programme Structure and Content
3. Programme Structure and Content	
4. Teaching and Learning Approach	3.0 Teaching and Learning Approach
5. Student Assessment	4.0 Student Assessment
6. Academic Staff Quality	5.0 Academic Staff
7. Support Staff Quality	6.0 Student Support Services
8. Student Quality and Support	
9. Facilities and Infrastructure	9.0 Facilities and Infrastructure
10. Quality Enhancement	Lồng ghép vào TC 2,3,4,6,7,8
11. Output	8.0 Output and Outcomes
50 tiêu chí	53 tiêu chí

Lồng ghép Tiêu chuẩn 10 vào các Tiêu chuẩn khác

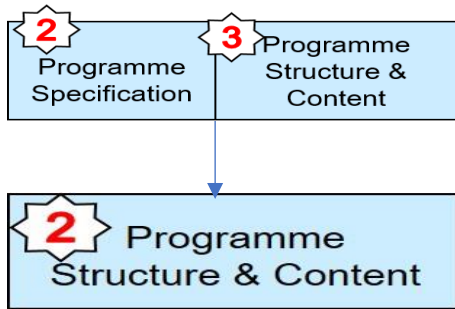
2.3. Thông tin phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là các đối tượng bên ngoài, được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH. (10.1)
2.7. CTDH được rà soát định kỳ theo quy trình để đảm bảo tính cập nhật và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động (10.2)
3.6. Quá trình dạy và học được cải tiến liên tục để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và tương thích với kết quả học tập mong đợi. (10.3)
4.7. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học và các quy trình có liên quan được rà soát và cải tiến liên tục để đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và tương thích với kết quả học tập mong đợi. (10.3)
8.3 Dữ liệu về hoạt động nghiên cứu khoa học và các sản phẩm, hoạt động sáng chế do GV và người học thực hiện được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng. (10.4)
6.6 Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng. (10.5)
7.9 Chất lượng các cơ sở vật chất (như thư viện, phòng thực hành, thí nghiệm, CNTT và các dịch vụ dành cho người học) được đánh giá và cải tiến. (10.5)
1.4. Yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là đối tượng bên ngoài được thu thập và chuyển tải vào kết quả học tập mong đợi. (10.6)

1. Expected Learning Outcomes

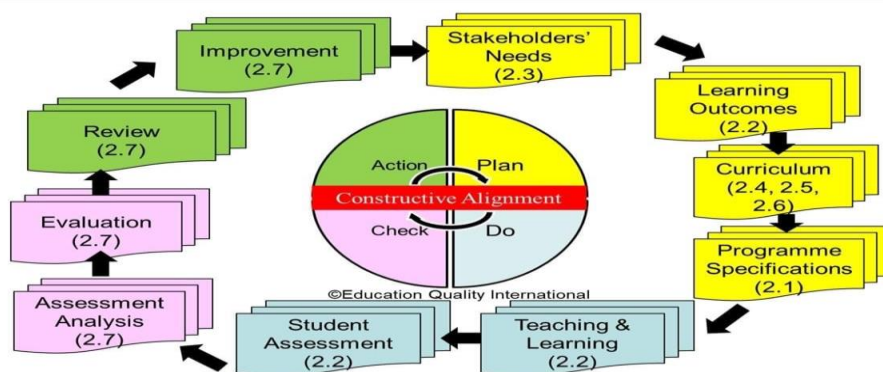
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 30px; margin: 0 auto;">1</div> <p style="text-align: center; font-weight: bold;">Expected Learning Outcomes</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tiêu chí 1.1 từ version 3.0 thêm yêu cầu Learning taxonomy (thang đo tư duy) 2. Tiêu chí 1.1 từ version 3.0 (KQHTMĐ học phần) 3. Tiêu chí 1.2 từ version 3.0 4. Tiêu chí 1.3, 10.6 (hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan) từ version 3.0 5. Yêu cầu CTĐT đảm bảo người học đạt được kết quả học tập mong đợi tại thời điểm tốt nghiệp.
---	---



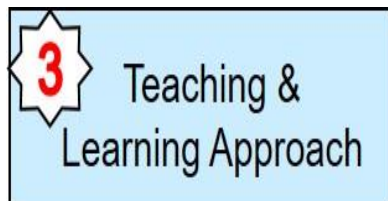
2. Programme Structure and content



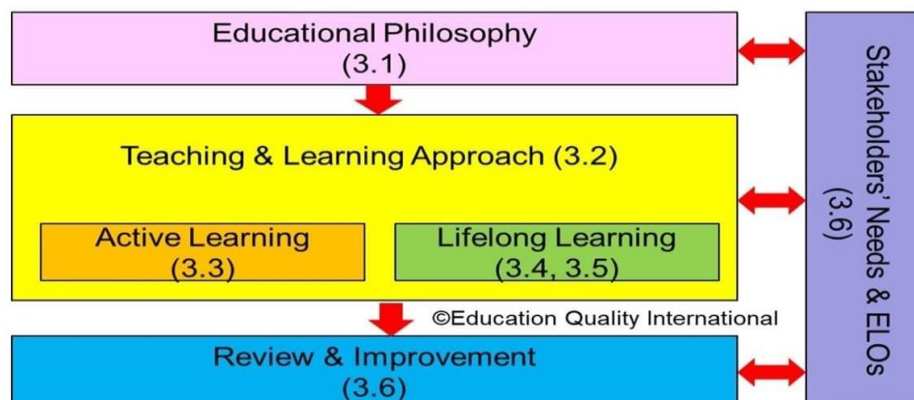
1. Tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3 từ version 3.0
2. Tiêu chí 3.1 từ version 3.0
3. Tiêu chí 10.1 từ version 3.0
4. Tiêu chí 3.2 từ version 3.0
5. Tiêu chí 3.3 từ version 3.0
6. Một phần tiêu chí 3.3 từ version 3.0
7. Một phần tiêu chí 3.3, 10.2 (quy trình rà soát CTDH) từ version 3.0.



3. Teaching and Learning



1. Tiêu chí 4.1 từ version 3.0
2. Một phần tiêu chí 4.2 từ version 3.0
3. Một phần tiêu chí 4.2 từ version 3.0
4. Tiêu chí 4.3 từ version 3.0
5. Mới – sáng tạo, đổi mới và tinh thần khởi nghiệp
6. Một phần tiêu chí 10.3 (cải tiến phương thức dạy và học) từ version 3.0

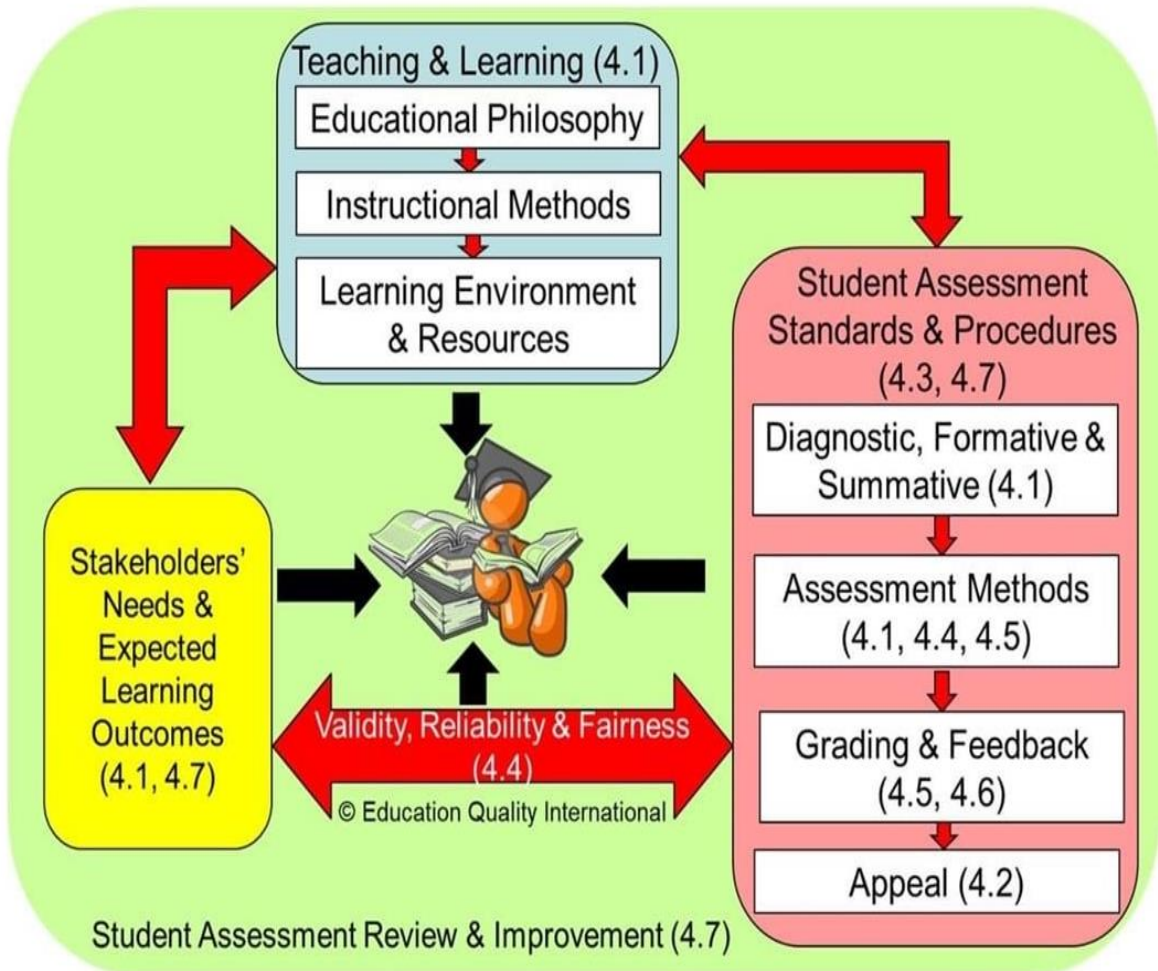


4. Student Assessment

4 Student Assessment

Cắt yêu cầu liên quan đến tuyển sinh.

1. Tiêu chí 5.1 từ version 3.0
2. Một phần tiêu chí 5.2, 5.5 từ version 3.0
3. Một phần tiêu chí 5.2 từ version 3.0
4. Tiêu chí 5.3 từ version 3.0
5. Hoạt động đo lường mức độ đạt được CDR thông qua hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học
6. Tiêu chí 5.4 từ version 3.0
7. Một phần tiêu chí 10.3 (cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá từ version 3.0).

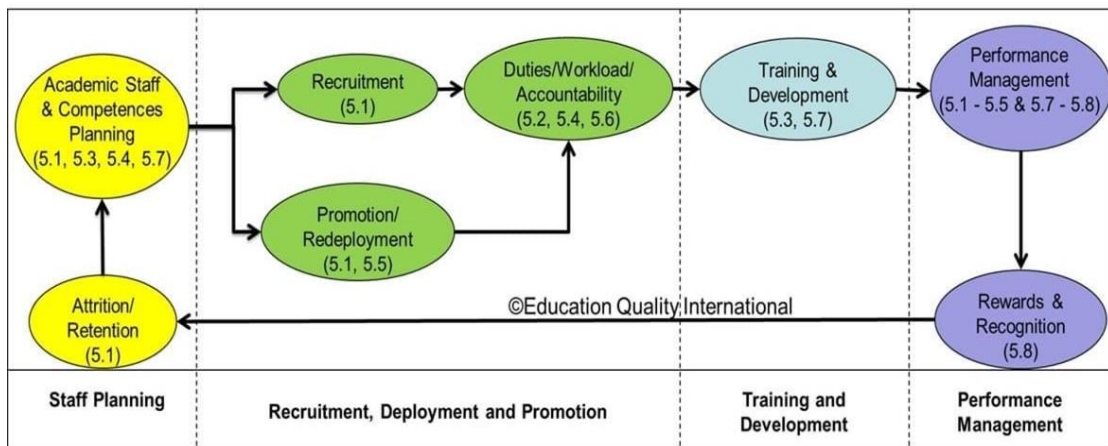


5. Academic Staff

5 Academic Staff

NCKH của GV (tiêu chí 6.10) chuyển sang TC 8

1. Tiêu chí 6.1 từ version 3.0
2. Một phần tiêu chí 6.2 từ version 3.0 (bỏ tỉ lệ người học/GV)
3. Tiêu chí 6.4 từ version 3.0
4. Một phần tiêu chí 6.3 từ version 3.0
5. Một phần tiêu chí 6.3 từ version 3.0
6. Quyền, đặc quyền của GV được xác định
7. Tiêu chí 6.5 từ version 3.0
8. Tiêu chí 6.6 từ version 3.0



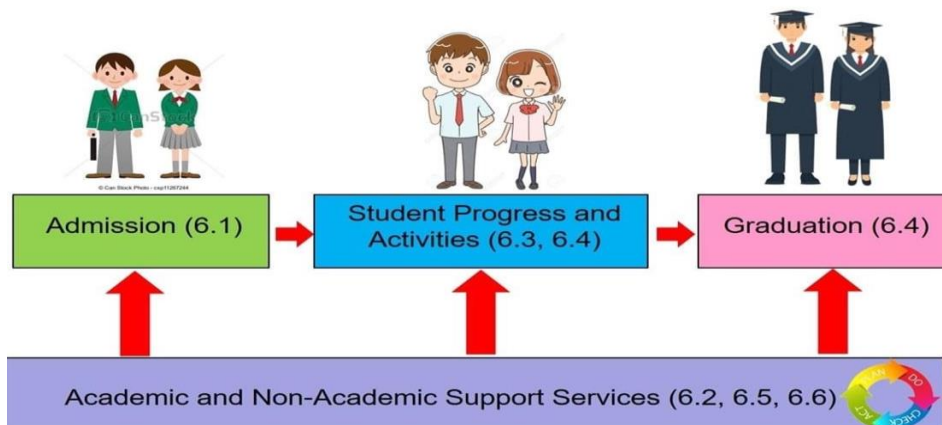
6. Student Support

7 Support Staff Quality

8 Student Quality & Support

6 Student Support Services

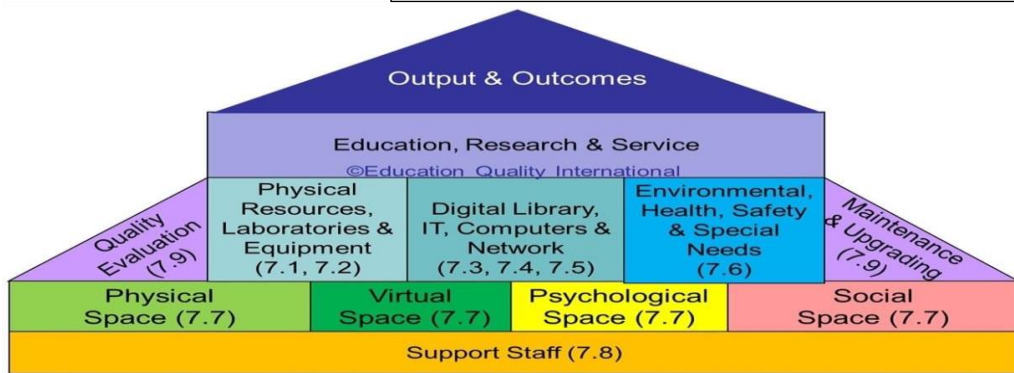
1. Tiêu chí 8.1, 8.2 từ version 3.0
2. Tiêu chí 7.1 từ version 3.0
3. Tiêu chí 8.3 từ version 3.0
4. Tiêu chí 8.4 từ version 3.0
5. Tiêu chí 7.3 từ version 3.0
6. Một phần tiêu chí 10.5 (cải tiến dịch vụ hỗ trợ người học) từ version 3.0



7. Facilities and Infrastructure

7 Facilities & Infrastructure

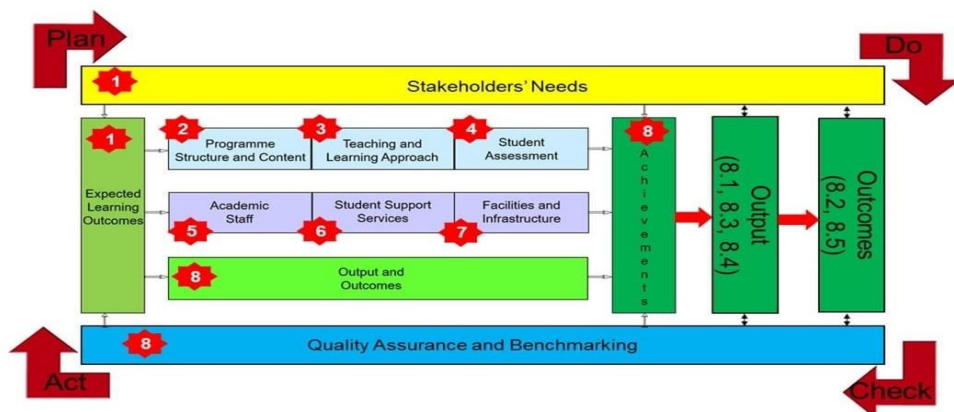
1. Tiêu chí 9.1 từ version 3.0
2. Tiêu chí 9.3 từ version 3.0
3. Tiêu chí 9.2 từ version 3.0
4. Một phần tiêu chí 9.4 từ version 3.0
5. Một phần tiêu chí 9.4 từ version 3.0
6. Tiêu chí 9.5 từ version 3.0
7. Tiêu chí 8.5 từ version 3.0
8. Tiêu chí 7.3 từ version 3.0
9. Một phần tiêu chí 10.5 (cải tiến cơ sở vật) từ version 3.0.



8. Output and Outcomes

8 Output & Outcomes

1. Tiêu chí 11.1, 11.2 từ version 3.0
2. Tiêu chí 11.3 từ version 3.0 (Tình hình việc làm cũng như số liệu về tự kinh doanh, khởi nghiệp và tiếp tục học cao hơn của người học)
3. Tiêu chí 6.7, 10.4, 11.4 từ version 3.0
4. Mới - *dữ liệu về mức độ đạt được kết quả học tập mong đợi CTĐT của người học*
5. Tiêu chí 11.5 từ version 3.0.





III. HƯỚNG DẪN VIẾT BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA 4.0

1. Tài liệu hướng dẫn:

Xem tài liệu gốc [phiên bản tiếng Anh](#) của AUN, xuất bản tháng 8/2020;

Xem tài liệu hướng dẫn [Definition of Key Terms and Words in the AUN-QA Programme Framework](#), (Version 4) 5th Edition, June 2022 của Mr. Johnson Ong Che Bin, Chuyên gia AUN.

Tham khảo thêm [tài liệu hướng dẫn phiên bản tiếng Việt của ĐHQG-HCM](#), xuất bản năm 2021.

2. Yêu cầu của AUN:

Báo cáo tự đánh giá (SAR) được viết bằng tiếng Anh, gửi cùng với Danh mục minh chứng cốt lõi ([SAR Checklist](#)), trước thời gian đánh giá chính thức **ít nhất 2 tháng**.

-> Tham khảo “[Tài liệu hướng dẫn đánh giá CTĐT theo AUN-QA, xuất bản năm 2018 - Guidelines for AUN-QA Programme Assessment](#)”.

Tất cả minh chứng trong danh mục SAR Checklist cần được dịch sang tiếng Anh và gửi đầy đủ cùng với báo cáo tự đánh giá.

Độ dài của báo cáo: từ 50-70 trang, 12 font size, 1.5 line spacing (không bao gồm phụ lục).

[Danh mục minh chứng Checklist:](#)

Checklist for the Submission of Self-Assessment Report (SAR)

S/N	Items to verify by AUN-QA Secretariat and University being assessed	Yes	No	Remarks
1	SAR is submitted to AUN-QA Secretariat and assessors 2 months before the site visit			
2	SAR is written in English and local terminologies in the SAR are consistently translated into English			
3	SAR is typed in 12-point font size consistently throughout the SAR			
4	SAR is 50 pages or less and page number is printed on each page			
5	SAR is structured into 4 parts: Part 1 - Introduction, Part 2 - AUN-QA Criteria, Part 3 – Strengths and Weaknesses Analysis Part 4 - Appendixes			
6	Appendixes are enclosed/available online			
7	Access rights and passwords are given to AUN Secretariat and assessors for online access			



**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN VIẾT BCTĐG CTĐT
THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA 4.0**

Mã số: TTPC-ĐBCL/TLHD
Ban hành: 01/21/11/2023
Số trang: 13/28

S/N	Items to verify by AUN-QA Secretariat and University being assessed	Yes	No	Remarks
8	Part 2 of the SAR is written according to the AUN-QA criteria checklist as listed in “Appendix A – Checklist for AUN-QA Assessment at Programme Level”			
9	The following information and documents are translated into English if they are in local language:			
a	Expected learning outcomes			
b	Brief outline of all courses in the programme			
c	Programme specification			
d	Samples of course specification			
e	Educational philosophy			
f	Sample of examination papers			
g	Sample of marking guides			
i	Sample of rubrics especially for internship, project and thesis writing			
j	Sample of academic and support staff appraisal forms			
k	Sample of student evaluation			
l	1-page brief of each survey, tracer study report or minutes of meeting			
m	Executive summary of academic and support manpower plan			
n	Executive summary of training and development plan for academic and support staff			

Check by: _____

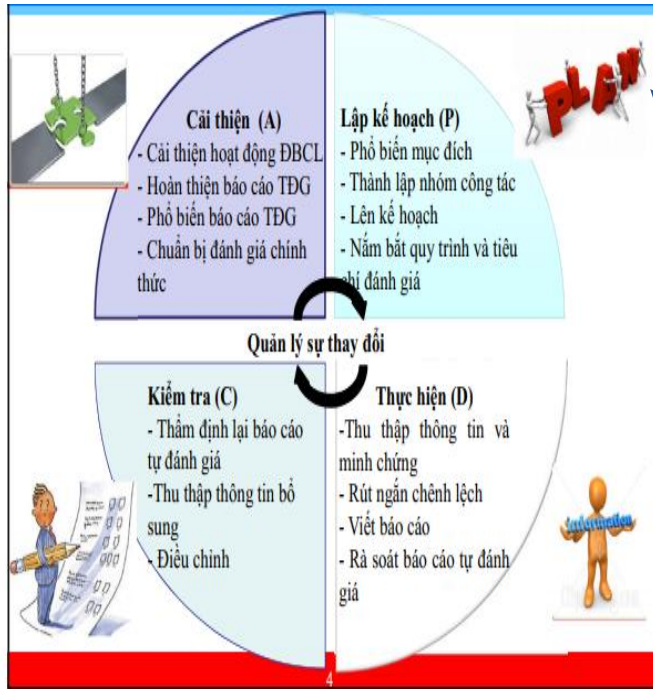
Date: _____

Actions to be taken:

3. Quy trình viết BCTĐG theo AUN -QA

Hoạt động viết BCTĐG CTĐT theo tiêu chuẩn AUN-QA tuân thủ chu trình Deming-PDCA

a. PLAN



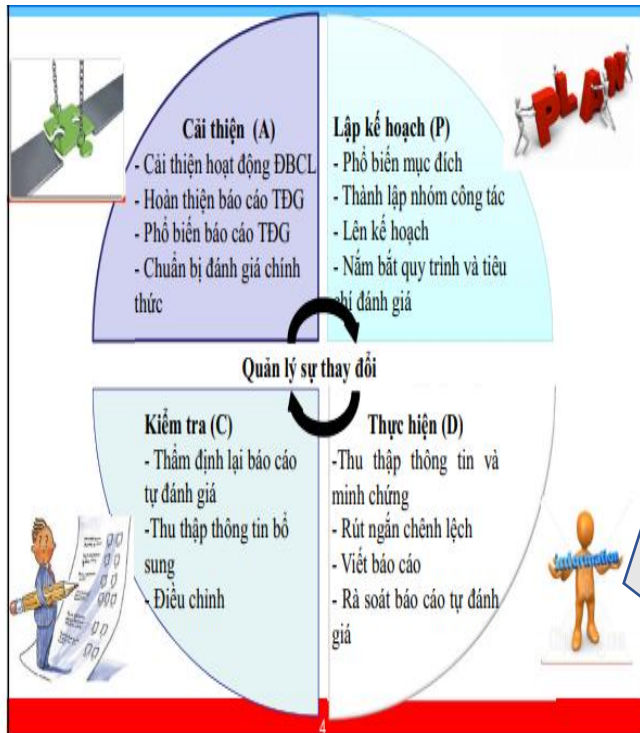
Phổ biến mục đích TĐG

- Thông báo cho các bên liên quan;
- Mục tiêu, phạm vi đánh giá
- Kế hoạch đánh giá
- Vai trò của các bên liên quan;
- Đưa ra các kỳ vọng;
- Thiết lập các điều kiện làm việc;
- Quản lý sự thay đổi.

Thành lập nhóm TĐG

- Cấu trúc và vai trò, số lượng thành viên;
- Có kinh nghiệm, khả năng bao quát CTĐT, am hiểu các tiêu chuẩn; Nhiệt tình, tận tâm, tỉ mỉ;
- Quyền hạn huy động nhân sự, nguồn lực;
- Khả năng sử dụng ngôn ngữ;
- Sự sẵn sàng.

b. DO



Phần 2. Trình bày mô tả tiêu chí

- Theo chu trình PDCA- WHAT (Plan), HOW (Do), WHY (Check+Act)
- Yêu cầu:
 - + Chú ý từ khóa/tiêu chí;
 - + Hiểu rõ nội hàm và các liên hệ giữa 4.0 với 3.0;
 - + Dựa theo câu hỏi chẩn đoán;
 - + Sử dụng minh chứng (SAR Team dựa trên MC HỢP LÝ đang có khi viết, hạn chế bổ sung minh chứng sau khi viết xong.

Viết BCTĐG hiệu quả

- + Nên phân công các nhóm viết và phản biện chéo các tiêu chí để tránh mâu thuẫn về thông tin, dữ liệu, nhận định → tăng tính nhất quán của báo cáo.
- + Nên có 1 người viết hoàn chỉnh báo cáo cuối cùng
- + Cần rà soát BCTĐG nhiều lần.

➤ Ví dụ cách xác định nội hàm tiêu chí 1.1 của tiêu chuẩn 1:

Cần xác định các **từ khóa (key words)** để hiểu rõ **yêu cầu và nội hàm** của tiêu chí, từ đó phân tích và dẫn chứng phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu của tiêu chí.

1. Expected Learning Outcomes



- 1.1. The programme to show that the expected learning outcomes are appropriately formulated in accordance with an established learning taxonomy, are aligned to the vision and mission of the university, and are known to all stakeholders.
- 1.2. The programme to show that the expected learning outcomes for all courses are appropriately formulated and are aligned to the expected learning outcomes of the programme.
- 1.3. The programme to show that the expected learning outcomes consist of both generic outcomes (related to written and oral communication, problem-solving, information technology, teambuilding skills, etc) and subject specific outcomes (related to knowledge and skills of the study discipline).
- 1.4. The programme to show that the requirements of the stakeholders, especially the external stakeholders, are gathered, and that these are reflected in the expected learning outcomes.
- 1.5. The programme to show that the expected learning outcomes are achieved by the students by the time they graduate.

Source: Guide to AUN-QA Assessment at Programme Level (Version 4.0), ©AUN-QA Network

The totality of knowledge, skills and attitudes or learning outcomes that a student is expected to acquire, master or perform at the end of a period of learning. They include programme, course and lesson learning outcomes.

Source: Adapted from International Standard Classification of Education (ISCED 2011)

- 1.1. The programme to show that the expected learning outcomes are appropriately formulated in accordance with an established learning taxonomy, are aligned to the vision and mission of the university, and are known to all stakeholders.

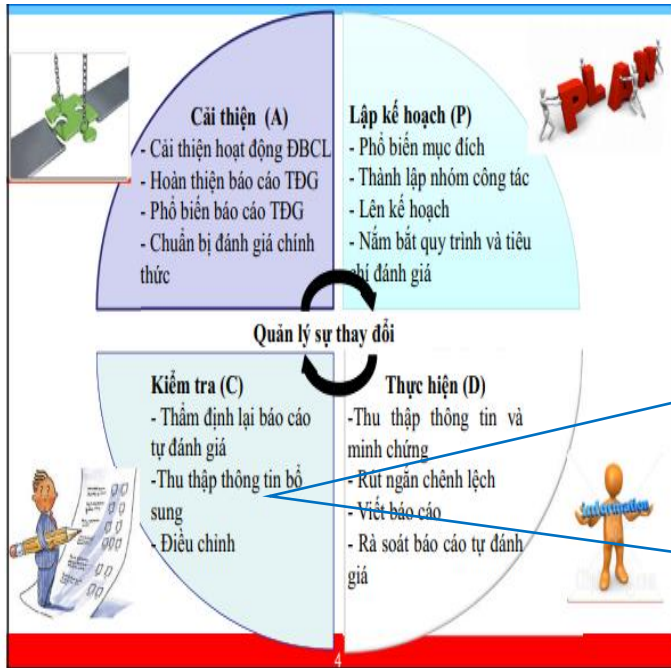
Individuals, groups or entities with invested interest, contractual relationship or who may be impacted by the institution's corporate and social actions.

A system to categorise or classify the domain and level of student's learning or achievement.

A vision describes the desired future position of the institution.
A mission defines the institution's business, its objectives and approach to reach those objectives.

Source: Bain & Company

c. CHECK

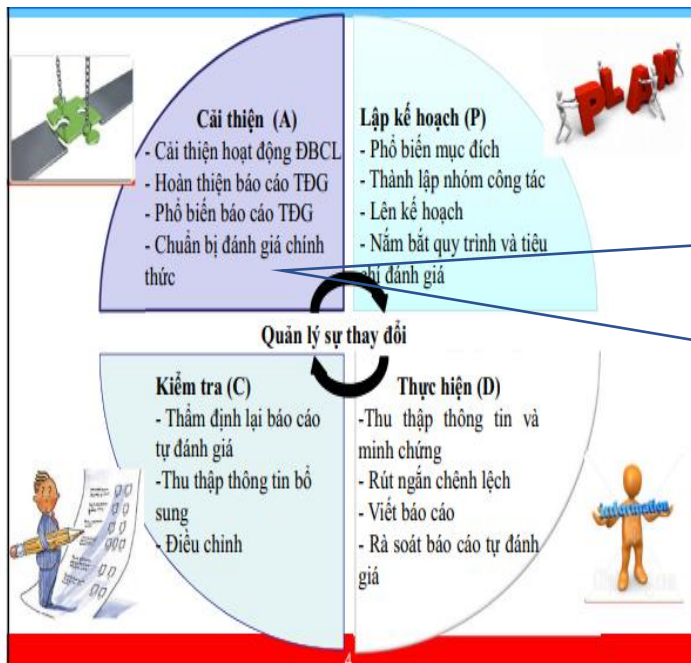


RÀ SOÁT BCTĐG

- Rà soát lại cấu trúc và mạch viết;
- Đảm bảo đánh giá đầy đủ các tiêu chuẩn;
- Đảm bảo sự liên kết giữa các tiêu chuẩn;
- Kiểm tra tính chính xác và nhất quán của SAR, minh chứng, dữ liệu;
- Loại bỏ những thông tin, dữ liệu không liên quan hoặc không cần thiết;
- Kiểm tra lỗi chính tả, lỗi đánh máy;
- Khi cần thiết có thể phải viết lại nhiều lần.



c. ACT



Điều chỉnh BCTĐG

- Điều chỉnh BCTĐG sau rà soát (nếu cần);
- Hoàn thiện BCTĐG;
- Truyền thông nội dung BCTĐG;
- Chuẩn bị tiếp đoàn đánh giá.





4. Cấu trúc BCTĐG

BCTĐG gồm 4 phần:

PHẦN 1. GIỚI THIỆU

PHẦN 2. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ THEO BỘ TIÊU CHUẨN

PHẦN 3. PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU

PHẦN 4. PHỤ LỤC

MẪU BCTĐG



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY- HO CHI MINH CITY
UNIVERSITY OF INFORMATION TECHNOLOGY



**AUN-QA
SEFT-ASSESSMENT REPORT
.....PROGRAMME
FACULTY OF.....**

University of Information Technology
Quarter 6, Linh Trung Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 37252002
Fax: (028) 37252148
Email: info@uit.edu.vn
Website: <http://w.w.w.uit.edu.vn>



Table of Contents

<u>1.</u>	INTRODUCTION	
1.1	EXECUTIVE SUMMARY	
1.2	BRIEF DESCRIPTION OF VNU-HCM, THE UIT AND THE FISE	
<u>2.</u>	SELF-ASSESSMENT ACCORDING TO AUN – QA CRITERIA	
2.1	EXPECTED LEARNING OUTCOMES	
2.2	PROGRAMME STRUCTURE AND CONTENT	
2.3	TEACHING AND LEARNING APPROACH	
2.4	STUDENT ASSESSMENT	
2.5	ACADEMIC STAFF	
2.6	STUDENT SUPPORT SERVICES	
2.7	FACILITIES AND INFRASTRUCTURE	
2.8	OUTPUT AND OUTCOMES	
<u>3.</u>	STRENGTHS AND WEAKNESSES ANALYSIS	
3.1	EXPECTED LEARNING OUTCOMES	
3.2	PROGRAMME STRUCTURE AND CONTENT	
3.3	TEACHING AND LEARNING APPROACH	
3.4	STUDENT ASSESSMENT	
3.5	ACADEMIC STAFF	
3.6	STUDENT SUPPORT SERVICES	
3.7	FACILITIES AND INFRASTRUCTURE	
3.8	OUTPUT AND OUTCOMES	
<u>4.</u>	APPENDIX	
	LIST OF EXHIBITS	
	TABLE APPENDIX	
	FIGURE APPENDIX	



CẤU TRÚC BÁO CÁO PHẦN 1. GIỚI THIỆU

- Tóm lược BCTĐG.
- Tóm tắt quá trình thực hiện TĐG: Cách thức thực hiện và những người tham gia.
- Giới thiệu về ĐHQG-HCM; Giới thiệu về Trường (sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và chính sách chất lượng của Trường và tóm tắt quá trình ĐBCL); Mô tả sơ lược về Khoa và Bộ môn.

Tên chương trình	
Văn bằng	
Năm mở ngành	
Hình thức đào tạo	
...	

PHẦN 2. BỘ TIÊU CHUẨN AUN-QA

❖ **Tiêu chuẩn 1:**.....(Ghi đúng tên tiêu chuẩn theo bộ tiêu chuẩn đánh giá)

Mở đầu (ngắn gọn): phần này mô tả tóm tắt, phân tích chung về cả tiêu chuẩn (vì có những điểm giao thoa giữa các tiêu chí trong cùng 1 tiêu chuẩn, nên cần mô tả chung ở đây và sẽ **không lặp** lại trong phần phân tích các tiêu chí)

Tiêu chí 1:.....(Ghi đúng tên tiêu chí theo bộ tiêu chuẩn đánh giá)

Cần mô tả và phân tích bám sát nội hàm tiêu chí, nêu bật được những hoạt động CTĐT đã thực hiện để đáp ứng yêu cầu của tiêu chí

.....
.....

Tiêu chí 2:.....(Tương tự như tiêu chí 1)

❖ **Tiêu chuẩn n:**.....(Tương tự như tiêu chuẩn 1)



PHẦN 3. PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU

Trong phần này, có thể liệt kê điểm mạnh, điểm yếu và kế hoạch cải tiến của từng tiêu chuẩn. Tuy nhiên cách này sẽ làm cho báo cáo khá dài. Người tổng hợp BCTĐG nên chọn lọc ra những điểm mạnh, điểm yếu nào nổi bật nhất, có tác động nhiều nhất đến chương trình đào tạo, kế hoạch cải tiến tập trung vào giải quyết điểm yếu trên cơ sở cấp thiết và khả thi.

Nếu được, nên viết phần này theo cách phân tích bao quát chung cho toàn bộ chương trình, không cần phân chia theo tiêu chuẩn. (Nếu vậy sẽ không chia thành các mục 1.1, 1.2 ..., mà chỉ cần liệt kê bằng gạch đầu dòng)

1. Phân tích điểm mạnh

1.1. Tiêu chuẩn 1

1.2. Tiêu chuẩn 2

...

2. Phân tích điểm yếu:

2.1. Tiêu chuẩn 1

2.2. Tiêu chuẩn 2

...

3. Kế hoạch cải tiến

3.1. Tiêu chuẩn 1

3.2. Tiêu chuẩn 2

...

Kết quả tự đánh giá

Self-rating for AUN-QA Assessment at Programme Level - 4.0

Criteria		1	2	3	4	5	6	7
1	Expected Learning Outcomes							
1.1	<i>The programme to show that the expected learning outcomes are appropriately formulated in accordance with an established learning taxonomy, are aligned to the vision and mission of the University and are known to all stakeholders</i>							
1.2	<i>The programme to show that the expected learning outcomes for all courses are appropriately formulated and are aligned to the expected learning outcomes of the programme.</i>							



Criteria		1	2	3	4	5	6	7
1.3	<i>The programme to show that the expected learning outcomes consist of both generic outcomes (related to written and oral communication, problem-solving, information technology, teambuilding skills, etc) and subject specific outcomes (related to knowledge and skills of the study discipline).</i>							
1.4	<i>The programme to show that the requirements of the stakeholders, especially the external stakeholders, are gathered, and that these are reflected in the expected learning outcomes.</i>							
1.5	<i>The programme to show that the expected learning outcomes are achieved by the students by the time they graduate</i>							
Overall opinion								
2	Programme Structure and Content							
2.1	<i>The specifications of the programme and all its courses are shown to be comprehensive, up-to-date, and made available and communicated to all stakeholders.</i>							
2.2	<i>The design of the curriculum is shown to be constructively aligned with achieving the expected learning outcomes.</i>							
2.3	<i>The design of the curriculum is shown to include feedback from stakeholders, especially external stakeholders</i>							
2.4	<i>The contribution made by each course in achieving the expected learning outcomes is shown to be clear</i>							
2.5	<i>The curriculum to show that all its courses are logically structured, properly sequenced (progression from basic to intermediate to specialised courses), and are integrated.</i>							
2.6	<i>The curriculum to have option(s) for students to pursue major and/or minor specialisations</i>							
2.7	<i>The programme to show that its curriculum is reviewed periodically following an established procedure and that it remains up-to-date and relevant to industry</i>							
Overall opinion								
3	Teaching and Learning Approach							
3.1	<i>The educational philosophy is shown to be articulated and communicated to all</i>							



Criteria		1	2	3	4	5	6	7
	<i>stakeholders. It is also shown to be reflected in the teaching and learning activities</i>							
3.2	<i>The teaching and learning activities are shown to allow students to participate responsibly in the learning process</i>							
3.3	<i>The teaching and learning activities are shown to involve active learning by the students</i>							
3.4	<i>The teaching and learning activities are shown to promote learning, learning how to learn, and instilling in students a commitment for life-long learning (e.g., commitment to critical inquiry, information-processing skills, and a willingness to experiment with new ideas and practices).</i>							
3.5	<i>The teaching and learning activities are shown to inculcate in students, new ideas, creative thought, innovation, and an entrepreneurial mindset</i>							
3.6	<i>The teaching and learning processes are shown to be continuously improved to ensure their relevance to the needs of industry and are aligned to the expected learning outcomes.</i>							
Overall opinion								
4	Student Assessment							
4.1	<i>A variety of assessment methods are shown to be used and are shown to be constructively aligned to achieving the expected learning outcomes and the teaching and learning objectives</i>							
4.2	<i>The assessment and assessment-appeal policies are shown to be explicit, communicated to students, and applied consistently.</i>							
4.3	<i>The assessment standards and procedures for student progression and degree completion, are shown to be explicit, communicated to students, and applied consistently</i>							
4.4	<i>The assessments methods are shown to include rubrics, marking schemes, timelines, and regulations, and these are shown to ensure validity, reliability, and fairness in assessment</i>							
4.5	<i>The assessment methods are shown to measure the achievement of the expected learning outcomes of the programme and its courses</i>							



Criteria		1	2	3	4	5	6	7
4.6	<i>Feedback of student assessment is shown to be provided in a timely manner.</i>							
4.7	<i>The student assessment and its processes are shown to be continuously reviewed and improved to ensure their relevance to the needs of industry and alignment to the expected learning outcomes</i>							
Overall opinion								
5	Academic Staff							
5.1	<i>The programme to show that academic staff planning (including succession, promotion, re-deployment, termination, and retirement plans) is carried out to ensure that the quality and quantity of the academic staff fulfil the needs for education, research, and service.</i>							
5.2	<i>The programme to show that staff workload is measured and monitored to improve the quality of education, research, and service</i>							
5.3	<i>The programme to show that the competences of the academic staff are determined, evaluated, and communicated.</i>							
5.4	<i>The programme to show that the duties allocated to the academic staff are appropriate to qualifications, experience, and aptitude</i>							
5.5	<i>The programme to show that promotion of the academic staff is based on a merit system which accounts for teaching, research, and service.</i>							
5.6	<i>The programme to show that the rights and privileges, benefits, roles and relationships, and accountability of the academic staff, taking into account professional ethics and their academic freedom, are well defined and understood</i>							
5.7	<i>The programme to show that the training and developmental needs of the academic staff are systematically identified, and that appropriate training and development activities are implemented to fulfil the identified needs.</i>							
5.8	<i>The programme to show that performance management including reward and recognition is implemented to assess academic staff teaching and research quality.</i>							
Overall opinion								



Criteria		1	2	3	4	5	6	7
6	Student Support Services							
6.1	<i>The student intake policy, admission criteria, and admission procedures to the programme are shown to be clearly defined, communicated, published, and up-to-date</i>							
6.2	<i>Both short-term and long-term planning of academic and non-academic support services are shown to be carried out to ensure sufficiency and quality of support services for teaching, research, and community service</i>							
6.3	<i>An adequate system is shown to exist for student progress, academic performance, and workload monitoring. Student progress, academic performance, and workload are shown to be systematically recorded and monitored. Feedback to students and corrective actions are made where necessary</i>							
6.4	<i>Co-curricular activities, student competition, and other student support services are shown to be available to improve learning experience and employability.</i>							
6.5	<i>The competences of the support staff rendering student services are shown to be identified for recruitment and deployment. These competences are shown to be evaluated to ensure their continued relevance to stakeholders needs. Roles and relationships are shown to be well-defined to ensure smooth delivery of the services</i>							
6.6	<i>Student support services are shown to be subjected to evaluation, benchmarking, and enhancement.</i>							
Overall opinion								
7	Facilities and Infrastructure							
7.1	<i>The physical resources to deliver the curriculum, including equipment, material, and information technology, are shown to be sufficient</i>							
7.2	<i>The laboratories and equipment are shown to be up-to-date, readily available, and effectively deployed</i>							
7.3	<i>A digital library is shown to be set-up, in keeping with progress in information and communication technology</i>							



Criteria		1	2	3	4	5	6	7
7.4	<i>The information technology systems are shown to be set up to meet the needs of staff and students</i>							
7.5	<i>The university is shown to provide a highly accessible computer and network infrastructure that enables the campus community to fully exploit information technology for teaching, research, service, and administration</i>							
7.6	<i>The environmental, health, and safety standards and access for people with special needs are shown to be defined and implemented</i>							
7.7	<i>The university is shown to provide a physical, social, and psychological environment that is conducive for education, research, and personal well-being</i>							
7.8	<i>The competences of the support staff rendering services related to facilities are shown to be identified and evaluated to ensure that their skills remain relevant to stakeholder needs</i>							
7.9	<i>The quality of the facilities (library, laboratory, IT, and student services) are shown to be subjected to evaluation and enhancement</i>							
Overall opinion								
8	Output and Outcomes							
8.1	<i>The pass rate, dropout rate, and average time to graduate are shown to be established, monitored, and benchmarked for improvement</i>							
8.2	<i>Employability as well as self-employment, entrepreneurship, and advancement to further studies, are shown to be established, monitored, and benchmarked for improvement</i>							
8.3	<i>Research and creative work output and activities carried out by the academic staff and students, are shown to be established, monitored, and benchmarked for improvement</i>							
8.4	<i>Data are provided to show directly the achievement of the programme outcomes, which are established and monitored</i>							
8.5	<i>Satisfaction level of the various stakeholders are shown to be established, monitored, and benchmarked for improvement.</i>							
Overall opinion								



5. BIỂU MẪU THỐNG KÊ

1. Mức độ đạt được kết quả học tập mong đợi tại thời điểm tốt nghiệp của sinh viên

Kết quả học tập mong đợi (PLO)	Mức đạt được kết quả học tập mong đợi			
	25%	50%	75%	100%
PLO1		x	x	
PLO2				x
PLO3	x	x	x	
PLO4			x	
PLO5		x	x	x
...				

2. Số lượng Giảng viên của khoa/bộ môn (Nêu rõ ngày thu thập số liệu và phương pháp tính FTE của Giảng viên)

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng cộng		Tỷ lệ % trên tổng số Tiến sĩ
				Số lượng	FTEs ⁽¹⁾	
1	Giáo sư					
2	Phó Giáo sư					
3	GV toàn thời gian					
4	GV bán thời gian					
5	GS thỉnh giảng/Giảng viên thỉnh giảng					
Tổng cộng						

⁽¹⁾ FTE là viết tắt của Full Time Equivalent. Đây là một đơn vị tính mức đầu tư thời gian vào công việc. 1 FTE tương đương với 40 giờ làm việc một tuần (tương đương thời gian làm việc toàn thời gian). Một cán bộ giảng viên làm việc 8 giờ/tuần sẽ tương đương với 0.2 FTE



7. Loại hình và số lượng công bố khoa học của GV

Năm học	Loại hình công bố khoa học				Tổng cộng	Tỷ lệ công bố khoa học/GV
	Cấp trường	Cấp quốc gia	Cấp khu vực	Cấp quốc tế		

Nơi nhận:

- Các khoa/bộ môn;
- Lưu: ĐBCL.

**PHÒNG TT-PC-ĐBCL
TRƯỞNG PHÒNG**

Trịnh Thị Mỹ Hiền